

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét,  
công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao  
tại tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2018-2020**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Công văn số 1345/BNN-VPĐP ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn xây dựng và triển khai kế hoạch xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định tiêu chí, chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tại tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2018 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 3596/SNN-KHTC ngày 31 tháng 10 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tại tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2018 - 2020;

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCTUBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh;
- UBND các xã (UBND cấp huyện sao gửi);
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Lưu: VT, KT. Đúc ( b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Hòa**

**QUY ĐỊNH**

**Về trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận  
và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao  
trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn giai đoạn 2018-2020**  
*(Ban hành kèm Quyết định số 3063 /QĐ-UBND  
ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các xã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới theo quy định tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

**Điều 2. Nguyên tắc thực hiện**

1. Việc xét, công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao được thực hiện thường xuyên, liên tục hằng năm, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch, đúng điều kiện, trình tự, thủ tục quy định.

2. Các xã sau khi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, thì tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí và tiến hành xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định tại Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 3. Thẩm quyền xét, công nhận và công bố**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

**Điều 4: Điều kiện công nhận**

Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, phải đảm bảo các điều kiện:

1. Có đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và được Ủy ban nhân dân cấp huyện đưa vào kế hoạch thực hiện;

2. Có 100% tiêu chí thực hiện trên địa bàn xã đạt chuẩn theo quy định;
3. Không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

### **Điều 5. Phương pháp xác định mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí để xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao**

Mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí trên địa bàn xã để xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên cơ sở quy định tại Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định tiêu chí, chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tại tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2018 – 2020, văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương và của sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh.

## **Chương II**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**

#### **Điều 6. Đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao**

1. UBND xã đăng ký công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trước ngày 10 tháng 10 của năm liền kề trước năm đánh giá. UBND huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) chỉ đưa vào kế hoạch thực hiện đối với xã đạt chuẩn 11 tiêu chí trở lên tính đến thời điểm đăng ký và có đủ điều kiện phấn đấu đạt chuẩn trong năm đánh giá. Trường hợp xã chưa đăng ký công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo thời gian quy định trên, nếu thấy đủ điều kiện thì được đăng ký công nhận bổ sung trước ngày 15 tháng 6 của năm đánh giá.

2. UBND xã nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện văn bản xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (01 bản, theo Mẫu số 01 tại phụ lục ban hành kèm theo Quy định này) đến UBND cấp huyện.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được đăng ký của UBND xã), UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND xã về kết quả đưa vào kế hoạch thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; nêu rõ lý do đối với xã chưa được đưa vào kế hoạch thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

#### **Điều 7. Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao**

Trình tự, thủ tục công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, gồm các bước:

1. UBND xã tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

2. UBND cấp huyện tổ chức thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

### **Điều 8. Tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao**

#### 1. Tổ chức tự đánh giá:

UBND xã thành lập Đoàn đánh giá (gồm các thành viên là đại diện Ban Chỉ đạo xã, Ban Quản lý xã, các Ban Phát triển thôn) để đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí; Ban Quản lý xã xây dựng báo cáo đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí báo cáo UBND xã.

#### 2. Tổ chức lấy ý kiến:

a) UBND xã gửi báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của xã để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã;

b) Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của xã được thông báo, công bố công khai tại trụ sở UBND xã, nhà văn hoá các thôn, bản (sau đây gọi chung là thôn) và trên hệ thống truyền thanh của xã trong thời gian 20 ngày để lấy ý kiến của nhân dân;

c) UBND xã bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của xã sau khi nhận được ý kiến tham gia (bằng văn bản) của Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã và của nhân dân trên địa bàn.

#### 3. Hoàn thiện hồ sơ:

a) UBND xã tổ chức họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo xã, Ban Quản lý xã, các Ban Phát triển thôn) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND cấp huyện;

b) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, UBND xã nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để thẩm tra (01 bộ hồ sơ) gồm:

- Tờ trình của UBND xã về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (bản chính, theo mẫu số 02 tại phụ lục ban hành kèm theo quy định này);

- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao theo mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo quy định này);

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị-xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng

cao của xã (bản chính, theo mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo quy định này);

- Biên bản cuộc họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo xã, Ban Quản lý xã, các Ban Phát triển thôn) đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (bản chính, theo mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo quy định này);

- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính);

- Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã.

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng nông thôn mới cấp huyện.

### **Điều 9. Tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao:**

#### 1. Tổ chức thẩm tra:

a) UBND cấp huyện thành lập Đoàn thẩm tra (gồm đại diện lãnh đạo Văn phòng nông thôn mới cấp huyện và các thành viên là đại diện lãnh đạo các cơ quan chuyên môn cấp huyện được giao phụ trách các tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới nâng cao) để thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí của từng xã; Văn phòng nông thôn mới cấp huyện xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng xã, báo cáo UBND cấp huyện.

b) Trong thời hạn 15 ngày (kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao của UBND xã), UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND các xã về kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí của từng xã; nêu rõ lý do xã chưa được đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

#### 2. Tổ chức lấy ý kiến:

a) UBND cấp huyện tổng hợp danh sách các xã đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và công bố ít nhất 03 lần trên các phương tiện phát thanh, truyền hình (nếu có) và trang thông tin điện tử của huyện để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn huyện;

b) UBND cấp huyện gửi báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng xã để lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, UBND các xã trên địa bàn huyện để hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng xã đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao;

c) Mặt trận Tổ quốc cấp huyện chủ trì, phối hợp Mặt trận tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã tiến hành lấy ý kiến về sự hài lòng của

người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

### 3. Hoàn thiện hồ sơ:

a) UBND cấp huyện tổ chức họp (gồm thành viên Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện và đại diện lãnh đạo các xã trên địa bàn cấp huyện) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao cho từng xã đã đủ điều kiện; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên và có từ 90% trở lên số hộ gia đình (trong tổng số hộ gia đình của xã được chọn khảo sát, lấy ý kiến) hài lòng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, Ủy ban nhân dân cấp huyện nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để thẩm định (01 bộ hồ sơ), gồm:

- Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (bản chính, theo mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo quy định này);

- Báo cáo về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao cho từng xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao cho từng xã, theo mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo quy định này);

- Báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn cấp huyện tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao cho từng xã (bản chính, theo mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo quy định này);

- Biên bản cuộc họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện) đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (bản chính, theo mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo quy định này);

- Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc cấp huyện về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (bản chính);

(Kèm theo bộ hồ sơ UBND xã nộp để thẩm tra được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Quy định này).

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.

**Điều 10. Tổ chức thẩm định, công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao**

### 1. Tổ chức thẩm định:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Đoàn thẩm định (gồm các thành viên là đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; lãnh đạo các sở, ban, ngành được giao phụ trách các tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới nâng cao) để thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí của từng xã thuộc cấp huyện trên địa bàn tỉnh; Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao cho từng xã của từng cấp huyện (trên cơ sở văn bản của các sở, ban, ngành đánh giá, xác nhận mức độ đạt các tiêu chí, chỉ tiêu được giao phụ trách), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét, công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao của UBND cấp huyện), Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản cho UBND cấp huyện, xã về kết quả thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao của từng xã trên địa bàn cấp huyện; nêu rõ lý do xã chưa được xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

### 2. Tổ chức xét công nhận:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức họp (gồm thành viên Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia), thảo luận, bỏ phiếu xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao cho từng xã (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia có mặt); Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh theo đề xuất của cơ quan Thường trực Chương xây dựng nông thôn mới tỉnh;

#### c) Mẫu bằng công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao

Mẫu bằng công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao được ban hành theo mẫu số 10 của Quy định này.

### 3. Công bố:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và công khai trên báo, đài phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử của tỉnh;

b) Thời hạn tổ chức công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao là không quá 60 ngày, kể từ ngày quyết định công nhận. Việc tổ chức công bố

xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao do UBND cấp huyện thực hiện đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, không phô trương.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 11. Khen thưởng, kinh phí**

1. Hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định hiện hành.

2. Kinh phí thực hiện Hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (bao gồm: Họp, kiểm tra đánh giá thực địa, khảo sát lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân...) do ngân sách nhà nước đảm bảo hàng năm.

#### **Điều 12. Trách nhiệm thi hành**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh có trách nhiệm:

- Phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức triển khai thực hiện quy định này.

- Tham mưu cho Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức thẩm định kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao cho các xã đủ điều kiện xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Định kỳ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về nội dung trên.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao phụ trách tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới nâng cao, chịu trách nhiệm hướng dẫn chi tiết việc đánh giá, phương pháp đánh giá, công nhận đạt chuẩn đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu trên địa bàn xã, làm cơ sở cho việc đánh giá công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

3. Ban Chỉ đạo tỉnh căn cứ nhiệm vụ được phân công trong Quy định này có trách nhiệm tổ chức thực hiện và chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp huyện, xã triển khai thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh hướng dẫn nội dung, cách thức, quy trình lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao ở xã; các tổ chức chính trị - xã hội đầy mạnh chỉ đạo các tổ chức cấp dưới tích cực tham gia phản biện, góp ý kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao ở địa phương.



Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn vướng mắc, các địa phương kiến nghị với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Hòa**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC MẪU CỦA HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN, CÔNG BỐ XÃ ĐẠT**  
**CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**

*(ban hành kèm theo Quy định tại Quyết định số 3063/QĐ-UBND  
ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**Mẫu số 01**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-....  
V/v đăng ký “Xã đạt  
chuẩn nông thôn mới  
nâng cao” năm .....

....., ngày .... tháng .... năm .....

Kính gửi: UBND huyện/thị xã/thành phố

.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Tính đến tháng .... năm ....., xã ..... có số tiêu chí nông thôn mới nâng cao đã đạt chuẩn theo quy định là ...../ ..... (tổng số) tiêu chí đạt .....% (đảm bảo yêu cầu so với quy định tại Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về ban hành Quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và có đủ Điều kiện phân đầu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trong năm .....Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã, Ủy ban nhân dân xã ..... (huyện/thị xã/thành phố .....tỉnh Bình Thuận) đăng ký và cam kết thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới nâng cao theo quy định trong năm để được công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao” năm .....

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố, tỉnh Bình Thuận xem xét, đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

**TM. UBND XÃ**

**CHỦ TỊCH**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 02**

**ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**XÃ ..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../TTTr-UBND

....., ngày .... tháng ..... năm 20....

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã .....  
đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm .....**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố .....,

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Quyết định số ..... phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới của xã ..... và Báo cáo số ...../BC-UBND ngày ...../...../20..... của UBND xã ..... về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã .....

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày ...../...../20..... của UBND xã ..... đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm .....

UBND xã ..... kính trình UBND huyện/thị xã/thành phố ..... thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm .....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo ..... kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao).

2. Báo cáo ..... tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã (bản chính).

3. Biên bản cuộc họp ..... đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (bản chính).

4. Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính);

5. Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã.

Kính đề nghị UBND huyện/thị xã/thành phố ..... xem xét, thẩm tra./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- .....

- Lưu: VT, .....

**TM. UBND XÃ .....**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03

**ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**XÃ .....** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND ..... , ngày ..... tháng ..... năm .....

**BÁO CÁO**

**Kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao năm .....**  
**của xã ....., huyện/thị xã/thành phố ..... tỉnh Bình Thuận**

**I. Đặc điểm tình hình chung**

1. Nêu tóm tắt về Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

**II. Căn cứ triển khai thực hiện**

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

**III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao**

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

**2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn**

- a) Công tác truyền thông.
- b) Công tác đào tạo, tập huấn.

**3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân**

- a) Công tác phát triển sản xuất nông nghiệp.
- b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

**4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới nâng cao**

Tổng kinh phí đã thực hiện: ..... triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Ngân sách tỉnh ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Ngân sách huyện ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Ngân sách xã ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Vốn vay tín dụng ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Doanh nghiệp ..... triệu đồng, chiếm %;
- Nhân dân đóng góp ..... triệu đồng, chiếm %.

**IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao**

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định là ...../ ..... (tổng số) tiêu chí đạt ..... %, cụ thể

**1. Tiêu chí số ..... về .....**

- a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng thực hiện: .....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

**2. Tiêu chí số ..... về .....**

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng thực hiện: .....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

**n. Tiêu chí số ..... về .....**

## **V. Đánh giá chung**

1. Những mặt đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

## **VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới nâng cao**

1. Quan điểm

2. Mục tiêu

3. Nội dung nâng cao chất các tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới nâng cao

*Nơi nhận:*

- Như trên;

- .....

- .....

- Lưu: VT, .....

**TM. UBND XÃ.....**

**CHỦ TỊCH**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ  
NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**

**Xã..... huyện....., tỉnh.....**

*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20 của UBND xã.....)*

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
<b>I. NHÓM HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI</b>					
<b>Tiêu chí số 2:</b> Giao thông	1. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; cứng hóa mặt đường kết cấu tối thiểu: láng nhựa, bê tông xi măng, sỏi đỏ, sỏi đồi và sỏi cuội.	%	85		
	2. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa; cứng hóa mặt đường kết cấu tối thiểu: bê tông xi măng thực hiện theo Đề án tiếp tục phát triển giao thông nông thôn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định 466/QĐ-UBND ngày 19/2/2016.	%	100 (85% cứng hóa)		
	1.3. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm; cứng hóa mặt đường kết cấu tối thiểu: bê tông xi măng, cấp phối đá dăm, sỏi đỏ, sỏi đồi và sỏi cuội.	%	85		
<b>Tiêu chí số 3:</b> Thủy lợi	1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động theo quy hoạch	1.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động.	%	≥ 85	
		1.2. Đối với các xã có đất nuôi trồng thủy sản hoặc đất làm muối được đánh giá là đạt chỉ tiêu 2.1.1 khi có diện tích nuôi trồng thủy sản hoặc làm muối đảm bảo cấp, thoát nước chủ động.	%	≥ 85	

	1.3. Tỷ lệ diện tích tiêu thoát nước cho sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp.	%	≥ 85		
	1.4. Tỷ lệ kênh mương nội đồng được kiên cố theo đề án kiên cố hóa kênh mương nội đồng các xã xây dựng nông thôn mới (thực hiện theo QĐ số 3151/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh và quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung đề án Kiên cố hóa kênh nội đồng các xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2015-2020).	%	≥ 80		
	1.5. Tỷ lệ diện tích canh tác cây trồng cạn chủ lực được tưới bằng phương pháp tiên tiến tiết kiệm nước	%	≥ 20		
	1.6. Tất cả các công trình thủy lợi trên địa bàn xã do xã quản lý có tổ chức chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên có hiệu quả.		Đạt		
2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	2.1. Tổ chức bộ máy.		Đạt		
	2.2. Nguồn nhân lực.		Đạt		
	2.3. Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh.		Đạt		
	2.4. Về cơ sở hạ tầng thiết yếu.		Đạt		

<b>Tiêu chí số 6:</b> Cơ sở vật chất văn hóa	1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân tập thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao toàn xã			Tổ chức các hoạt động 02 lần/tháng, thu hút người dân tham gia tối thiểu 40% trở lên/tổng số dân.		
	2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định			Duy trì hoạt động thường xuyên thu hút trẻ em và người cao tuổi tham gia		
<b>Tiêu chí số 8:</b> Thông tin và Truyền thông	1. Xã có dịch vụ viễn thông, Internet.	1.1. Tỷ lệ thôn có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng ít nhất một trong hai loại hình dịch vụ điện thoại: trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất.	%	100		
		1.2. Tỷ lệ thôn có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng ít nhất một trong hai loại hình truy nhập Internet: băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất.	%	100		
	2. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn.	Tỷ lệ thôn có hệ thống loa còn hoạt động.	%	100		
	3. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong	3.1. Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được trang bị máy tính.	%	≥ 90		



	công tác quản lý, điều hành.	3.2. Sử dụng tất cả các phần mềm ứng dụng: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử công vụ; Hệ thống một cửa điện tử; Trang thông tin điện tử hoặc cung cấp đầy đủ thông tin của xã phục vụ công tác quản lý, điều hành theo quy định và cung cấp dịch vụ công trực tuyến của xã trên trang thông tin điện tử của huyện.		Đạt		
		3.3. Tỷ lệ thủ tục hành chính một cửa cấp xã được cập nhật vào phần mềm một cửa điện tử.	%	100		
<b>Tiêu chí số 9:</b> Nhà ở dân cư	1. Nhà tạm, dột nát	Năm 2018		Không		
		Năm 2019		Không		
		Năm 2020		Không		
	2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định.	Năm 2018	%	≥ 82		
		Năm 2019	%	≥ 84		
		Năm 2020	%	≥ 86		
<b>II. NHÓM KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT</b>						
<b>Tiêu chí số 10:</b> Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn	Năm 2018	Triệu đồng	42		
		Năm 2019	Triệu đồng	46		
		Năm 2020	Triệu đồng	49		
<b>Tiêu chí số 11:</b> Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm từ 0,5% lần trở xuống so với mức quy định đối với vùng (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo)			Đạt		
<b>Tiêu chí số 12:</b> Lao động có việc làm	Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn thông qua các mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và tổ chức lại sản xuất.			Đạt		

<b>Tiêu chí số 13:</b> Tổ chức sản xuất	1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.			Đạt		
	2. Xã có mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hoá đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch của địa phương.			Đạt		
	3. Xã có thực hiện cơ giới hoá sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực.			Đạt		
<b>III. NHÓM VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG</b>						
<b>Tiêu chí số 14:</b> Giáo dục và Đào tạo	1. Nâng cao trình độ dân trí của người dân: đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2;			Đạt		
	2. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3			Đạt		
	3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo		%	≥ 65		
	4. Tổng lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn phù hợp.		%	100		
<b>Tiêu chí số 15:</b> Y tế	1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	Năm 2018	%	85		
		Năm 2019	%	86		
		Năm 2020	%	≥ 90		
	2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế (theo quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014)			Đạt		
	3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)		%	≤ 24		
<b>Tiêu chí số 16:</b> Văn hóa	1. Xã có từ 70% số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn thôn văn hóa theo quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.			Đạt		
	2. Các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh... của địa phương được quản lý, bảo vệ, gìn giữ và phát huy giá trị			Đạt		

	3. Thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội		Đạt		
	4. Không để xảy ra tình trạng ca hát trong đám, tiệc, karaoke lưu động, kẹo kéo... sử dụng âm thanh công suất lớn vi phạm an ninh, trật tự gây bức xúc trong nhân dân và bị người dân phản ánh.		Đạt		
<b>Tiêu chí số 17:</b> Môi trường và an toàn thực phẩm	1. Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 95% số hộ dân trên địa bàn toàn xã.		Đạt		
	2. Cảnh quan, không gian nông thôn sáng – xanh – sạch – đẹp, giữ gìn được bản sắc văn hóa tốt đẹp của địa phương trên địa bàn toàn xã		Đạt		
	3. Thực hiện hiệu quả các giải pháp, phương án cụ thể về bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.		Đạt		
	4. Tiếp tục duy trì và đảm bảo đạt tiêu chí môi trường theo hướng dẫn tại Công văn số 2504/STNMT-CCBVMТ ngày 21/6/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2017-2020.		Đạt		
	5. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có), phải được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh phù hợp bao bọc xung quanh.		Đạt		
	6. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã được thu gom và xử lý theo đúng quy định.	%	≥ 70		
<b>IV. NHÓM HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ</b>					
<b>Tiêu chí số 18:</b> Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	1. Cán bộ, công chức đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ, trong đó cán bộ Mặt trận và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội đạt chuẩn theo Quy định số 312-QĐ/TU ngày 10/6/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.		Đạt		
	2. Các tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt mức xếp loại cao nhất		Đạt		

	3. Có ít nhất một nữ lãnh đạo chủ chốt ở xã (bao gồm các chức danh sau: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND).		Đạt		
	4. Tỷ lệ hồ sơ, thủ tục hành chính tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn đạt trên 97%.		Đạt		
	5. 100% thôn xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước cộng đồng.		Đạt		
	6. Không có cán bộ, công chức vi phạm các chuẩn mực đạo đức, gây khó khăn, phiền hà cho các tổ chức, cá nhân nhưng chưa đến mức xử lý kỷ luật theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.		Đạt		
<b>Tiêu chí số 19:</b> An ninh trật tự	1. Không có khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật, như: Lôi kéo, tụ tập nhiều người cùng đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đưa đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về quyền lợi bị vi phạm hay có liên quan đến việc thực thi chính sách, pháp luật, môi trường, quản lý sử dụng đất đai... gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội; các vụ việc này đã được giải quyết đúng chính sách, pháp luật nhưng vẫn tụ tập khiếu kiện đông người, khiếu kiện không đúng thẩm quyền, vượt cấp trái pháp luật hoặc chưa được giải quyết theo đúng quy định về thời hạn khiếu nại, tố cáo (trước thời điểm đề nghị xét, công nhận từ 12 tháng trở lên).		Đạt		
	2. Không để xảy ra trọng án trên địa bàn: Không để xảy ra vụ án hình sự về tội phạm quy định tại các điều 123, 125, 126; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại các điều 134, 141, 142, 143, 144, 150, 168, 169, 170 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).		Đạt		
	3. Xã được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự quy định tại Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.		Đạt		

**Mẫu số 04**

**ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**XÃ.....** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày .... tháng .... năm .....

**BÁO CÁO**

**Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao năm ..... của xã ....., huyện/thị xã/thành phố ....., tỉnh Bình Thuận**

**I. Tóm tắt quá trình UBND xã tổ chức lấy ý kiến tham gia**

- .....  
- .....

**II. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã**

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định tính đến năm..... là ...../ ..... (tổng số) tiêu chí, đạt .....%.

**III. Ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã**

1. Ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã

- Hình thức tham gia ý kiến: .....  
- Ý kiến tham gia: .....  
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):.....

2. Ý kiến tham gia của các tổ chức khác trên địa bàn xã (các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, hợp tác xã, ....)

- Hình thức tham gia ý kiến: .....  
- Ý kiến tham gia: .....  
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):.....

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn xã

- Ý kiến tham gia: .....  
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

**IV. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND xã**

- .....  
- .....

**Nơi nhận:**

- .....;  
- .....;  
- .....;  
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND XÃ**

**CHỦ TỊCH**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 05**

**ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**XÃ.....** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .... tháng ..... năm .....

**BIÊN BẢN**

**Họp đề nghị xét, công nhận xã .....  
đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm .....**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);  
Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);  
Căn cứ Báo cáo số ..... ngày ...../...../..... của UBND xã  
..... về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên  
địa bàn xã và Báo cáo ..... ngày ...../...../..... của UBND xã tổng  
hợp ý kiến tham gia của các tổ chức, đoàn thể xã và nhân dân trong xã về kết  
quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã,

Hôm nay, vào hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../...../..... tại  
....., UBND xã ..... huyện/thị xã/thành phố ....., tỉnh Bình  
Thuận tổ chức họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng  
cao, cụ thể như sau:

**I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:**

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công  
tác - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác;
- .....
- Ông (bà): .....- Chức vụ, đơn vị công  
tác - Thư ký cuộc họp.

**II. NỘI DUNG CUỘC HỌP**

1. UBND xã báo cáo kết quả tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí  
nông thôn mới nâng cao của xã; tổng hợp báo cáo tham gia ý kiến của các tổ  
chức chính trị - xã hội và nhân dân trong xã về kết quả xây dựng nông thôn  
mới nâng cao của xã.

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về  
kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã.

.....  
.....

3. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị  
xét, công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm ..... là  
...../tổng số ..... thành viên tham dự cuộc họp, đạt .....%.

Biên bản kết thúc hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../...../  
....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất  
trí .....%.

Biên bản này được lập thành ..... bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND xã lưu ..... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao gửi UBND huyện/thị xã/thành phố ..... bản./.

**THƯ KÝ CUỘC HỌP**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 06**

**ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../TTr-UBND

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thẩm định, xét, công nhận xã .....  
đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm .....**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ...../BC-UBND ngày ...../...../20..... của UBND huyện/thị xã/thành phố ..... về thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao cho xã .....

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày ...../...../20.... của UBND huyện ..... đề nghị xét, công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao,

UBND huyện/thị xã/thành phố ..... kính trình UBND tỉnh Bình Thuận thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm .....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo ..... thẩm tra hồ sơ và kết quả đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao đối với xã ..... (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã);

2. Báo cáo ..... tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện tham gia vào kết quả thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã ..... (bản chính);

3. Biên bản cuộc họp ..... đề nghị xét, công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (bản chính).

4. Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc cấp huyện về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao

(Kèm theo bộ hồ sơ của UBND xã trình UBND cấp huyện thẩm tra)

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận xem xét, thẩm định./.

**TM. UBND .....**

**CHỦ TỊCH**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- .....

- Lưu: VT.



**Mẫu số 07**

**ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
.....  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày ..... tháng ..... năm 20....

**BÁO CÁO**

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn  
nông thôn mới nâng cao cho xã ..... năm .....**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);  
Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);  
Căn cứ đề nghị của UBND xã ..... tại Tờ trình số ...../TTr-  
UBND ngày ...../...../..... về việc thẩm tra, xét công nhận xã đạt chuẩn  
nông thôn mới nâng cao năm .....

ăn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí  
nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã, UBND huyện/thị xã/thành phố  
..... báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông  
thôn mới nâng cao cho xã ..... năm ..... cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra (từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....):

**1. Về hồ sơ**

**2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới**

2.1. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

.....

- Các nội dung đã thực hiện: .....

.....

- Khối lượng thực hiện: .....

.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với  
yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí: .....

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....

- Các nội dung đã thực hiện: .....

.....

- Khối lượng thực hiện: .....

.....  
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có):..... triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số ..... về .....

.....  
**3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới**

- .....

**II. KẾT LUẬN**

**1. Về hồ sơ**

**2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới nâng cao**

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã ..... đã được UBND huyện/thị xã/thành phố ..... thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: ...../15 tiêu chí, đạt .....%.

- .....

**3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới**

- .....

**III. KIẾN NGHỊ**

.....  
*Nơi nhận:*

- .....

- .....

- .....

- Lưu: VT, .....

**TM. UBND .....**

**CHỦ TỊCH**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA CÁC TIÊU CHÍ  
NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**

của xã..... huyện/thị xã/thành phố....., tỉnh Bình Thuận

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20 của UBND huyện/thị xã/thành phố)

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của cấp huyện
<b>I. NHÓM HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI</b>					
<b>Tiêu chí số 2:</b> Giao thông	1. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; cứng hóa mặt đường kết cấu tối thiểu: láng nhựa, bê tông xi măng, sỏi đỏ, sỏi đồi và sỏi cuội.	%	85		
	2. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa; cứng hóa mặt đường kết cấu tối thiểu: bê tông xi măng thực hiện theo Đề án tiếp tục phát triển giao thông nông thôn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định 466/QĐ-UBND ngày 19/2/2016.	%	100 (85% cứng hóa)		
	1.3. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm; cứng hóa mặt đường kết cấu tối thiểu: bê tông xi măng, cấp phối đá dăm, sỏi đỏ, sỏi đồi và sỏi cuội.	%	85		
<b>Tiêu chí số 3:</b> Thủy lợi	1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động theo quy hoạch	1.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động.	%	≥ 85	
		1.2. Đối với các xã có đất nuôi trồng thủy sản hoặc đất làm muối được đánh giá là đạt chỉ tiêu 2.1.1 khi có diện tích nuôi trồng thủy sản hoặc làm muối đảm bảo cấp, thoát nước chủ động.	%	≥ 85	
		1.3. Tỷ lệ diện tích tiêu thoát nước cho sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp.	%	≥ 85	

	1.4. Tỷ lệ kênh mương nội đồng được kiên cố theo đề án kiên cố hóa kênh mương nội đồng các xã xây dựng nông thôn mới (thực hiện theo QĐ số 3151/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh và quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung đề án Kiên cố hóa kênh nội đồng các xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2015-2020).	%	≥ 80		
	1.5. Tỷ lệ diện tích canh tác cây trồng cạn chủ lực được tưới bằng phương pháp tiên tiến tiết kiệm nước	%	≥ 20		
	1.6. Tất cả các công trình thủy lợi trên địa bàn xã do xã quản lý có tổ chức chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên có hiệu quả.		Đạt		
2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	2.1. Tổ chức bộ máy.		Đạt		
	2.2. Nguồn nhân lực.		Đạt		
	2.3. Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh.		Đạt		
	2.4. Về cơ sở hạ tầng thiết yếu.		Đạt		

<b>Tiêu chí số 6:</b> Cơ sở vật chất văn hóa	1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân tập thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao toàn xã			Tổ chức các hoạt động 02 lần/tháng, thu hút người dân tham gia tối thiểu 40% trở lên/tổng số dân.		
	2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định			Duy trì hoạt động thường xuyên thu hút trẻ em và người cao tuổi tham gia		
<b>Tiêu chí số 8:</b> Thông tin và Truyền thông	1. Xã có dịch vụ viễn thông, Internet.	1.1. Tỷ lệ thôn có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng ít nhất một trong hai loại hình dịch vụ điện thoại: trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất.	%	100		
		1.2. Tỷ lệ thôn có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng ít nhất một trong hai loại hình truy nhập Internet: băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất.	%	100		
	2. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn.	Tỷ lệ thôn có hệ thống loa còn hoạt động.	%	100		
	3. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong	3.1. Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được trang bị máy tính.	%	≥ 90		

	công tác quản lý, điều hành.	3.2. Sử dụng tất cả các phần mềm ứng dụng: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử công vụ; Hệ thống một cửa điện tử; Trang thông tin điện tử hoặc cung cấp đầy đủ thông tin của xã phục vụ công tác quản lý, điều hành theo quy định và cung cấp dịch vụ công trực tuyến của xã trên trang thông tin điện tử của huyện.			Đạt	
		3.3. Tỷ lệ thủ tục hành chính một cửa cấp xã được cập nhật vào phần mềm một cửa điện tử.	%	100		
<b>Tiêu chí số 9:</b> Nhà ở dân cư	1. Nhà tạm, đột nát	Năm 2018		Không		
		Năm 2019		Không		
		Năm 2020		Không		
	2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định.	Năm 2018	%	≥ 82		
		Năm 2019	%	≥ 84		
		Năm 2020	%	≥ 86		
<b>II. NHÓM KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT</b>						
<b>Tiêu chí số 10:</b> Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn	Năm 2018	Triệu đồng	42		
		Năm 2019	Triệu đồng	46		
		Năm 2020	Triệu đồng	49		
<b>Tiêu chí số 11:</b> Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm từ 0,5% lần trở xuống so với mức quy định đối với vùng (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo)			Đạt		
<b>Tiêu chí số 12:</b> Lao động có việc làm	Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn thông qua các mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và tổ chức lại sản xuất.			Đạt		

<b>Tiêu chí số 13:</b> Tổ chức sản xuất	1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.			Đạt		
	2. Xã có mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hoá đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch của địa phương.			Đạt		
	3. Xã có thực hiện cơ giới hoá sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực.			Đạt		
<b>III. NHÓM VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG</b>						
<b>Tiêu chí số 14:</b> Giáo dục và Đào tạo	1. Nâng cao trình độ dân trí của người dân: đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2;			Đạt		
	2. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3			Đạt		
	3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo		%	≥ 65		
	4. Tổng lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn phù hợp.		%	100		
<b>Tiêu chí số 15:</b> Y tế	1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	Năm 2018	%	85		
		Năm 2019	%	86		
		Năm 2020	%	≥ 90		
	2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế (theo quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014)			Đạt		
3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)		%	≤ 24			
<b>Tiêu chí số 16:</b> Văn hóa	1. Xã có từ 70% số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn thôn văn hóa theo quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.			Đạt		
	2. Các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh... của địa phương được quản lý, bảo vệ, gìn giữ và phát huy giá trị			Đạt		

	3. Thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội		Đạt		
	4. Không để xảy ra tình trạng ca hát trong đám, tiệc, karaoke lưu động, kéo kéo... sử dụng âm thanh công suất lớn vi phạm an ninh, trật tự gây bức xúc trong nhân dân và bị người dân phản ánh.		Đạt		
<b>Tiêu chí số 17:</b> Môi trường và an toàn thực phẩm	1. Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 95% số hộ dân trên địa bàn toàn xã.		Đạt		
	2. Cảnh quan, không gian nông thôn sáng – xanh – sạch – đẹp, giữ gìn được bản sắc văn hóa tốt đẹp của địa phương trên địa bàn toàn xã		Đạt		
	3. Thực hiện hiệu quả các giải pháp, phương án cụ thể về bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.		Đạt		
	4. Tiếp tục duy trì và đảm bảo đạt tiêu chí môi trường theo hướng dẫn tại Công văn số 2504/STNMT-CCBVMT ngày 21/6/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2017-2020.		Đạt		
	5. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có), phải được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh phù hợp bao bọc xung quanh.		Đạt		
	6. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã được thu gom và xử lý theo đúng quy định.	%	≥ 70		
	<b>IV. NHÓM HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ</b>				
<b>Tiêu chí số 18:</b> Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	1. Cán bộ, công chức đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ, trong đó cán bộ Mặt trận và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội đạt chuẩn theo Quy định số 312-QĐ/TU ngày 10/6/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.		Đạt		
	2. Các tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt mức xếp loại cao nhất		Đạt		



	3. Có ít nhất một nữ lãnh đạo chủ chốt ở xã (bao gồm các chức danh sau: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND).		Đạt		
	4. Tỷ lệ hồ sơ, thủ tục hành chính tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn đạt trên 97%.		Đạt		
	5. 100% thôn xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước cộng đồng.		Đạt		
	6. Không có cán bộ, công chức vi phạm các chuẩn mực đạo đức, gây khó khăn, phiền hà cho các tổ chức, cá nhân nhưng chưa đến mức xử lý kỷ luật theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.		Đạt		
<b>Tiêu chí số 19:</b> An ninh trật tự	1. Không có khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật, như: Lôi kéo, tụ tập nhiều người cùng đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đưa đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về quyền lợi bị vi phạm hay có liên quan đến việc thực thi chính sách, pháp luật, môi trường, quản lý sử dụng đất đai... gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội; các vụ việc này đã được giải quyết đúng chính sách, pháp luật nhưng vẫn tụ tập khiếu kiện đông người, khiếu kiện không đúng thẩm quyền, vượt cấp trái pháp luật hoặc chưa được giải quyết theo đúng quy định về thời hạn khiếu nại, tố cáo (trước thời điểm đề nghị xét, công nhận từ 12 tháng trở lên).		Đạt		
	2. Không để xảy ra trọng án trên địa bàn: Không để xảy ra vụ án hình sự về tội phạm quy định tại các điều 123, 125, 126; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại các điều 134, 141, 142, 143, 144, 150, 168, 169, 170 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).		Đạt		
	3. Xã được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự quy định tại Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.		Đạt		

**Mẫu số 08**

**ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
.....  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

### **BÁO CÁO**

**Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm ..... cho xã ..., huyện/thị xã/thành phố ..... tỉnh Bình Thuận**

#### **I. Tóm tắt quá trình UBND huyện/thị xã/thành phố tổ chức lấy ý kiến tham gia**

- .....  
- .....

#### **II. Ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới nâng cao cho xã**

1. Ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố

- Hình thức tham gia ý kiến: .....  
- Ý kiến tham gia: .....  
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

2. Ý kiến tham gia của UBND các xã trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố

- Hình thức tham gia ý kiến: .....  
- Ý kiến tham gia: .....  
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố (nếu có)

- Hình thức tham gia ý kiến: .....  
- Ý kiến tham gia: .....  
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

#### **III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND huyện/thị xã/thành phố**

- .....

**Nơi nhận:**

- .....;  
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND .....**

**CHỦ TỊCH**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 09**

**ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....

-----

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BIÊN BẢN**

**Họp đề nghị xét, công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm .....**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ..... ngày .... / .... / ..... của UBND huyện/thị xã/thành phố ..... về thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao cho xã ..... năm ..... và Báo cáo số ..... ngày .... / .... / ..... của UBND huyện/thị xã/thành phố ..... tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới nâng cao năm ..... cho xã .....

Hôm nay, vào hồi ..... giờ ..... phút ngày ..... / ..... / ..... tại ....., UBND huyện/thị xã/thành phố ..... tỉnh Bình Thuận tổ chức họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, cụ thể như sau:

**I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:**

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;

- .....

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

**II. NỘI DUNG CUỘC HỌP**

1. UBND huyện/thị xã/thành phố trình bày Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã .....; Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới nâng cao năm ..... của xã .....

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện/thị xã/thành phố trình bày Báo cáo về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

3. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét, công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

4. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm ..... là ..... /tổng số ..... thành viên tham dự cuộc họp, đạt .....%.

Biên bản kết thúc hội ..... giờ ..... phút ngày ...../...../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí .....%.

Biên bản này được lập thành ..... bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND huyện/thị xã/thành phố lưu ..... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao gửi UBND tỉnh ..... bản./.

**THƯ KÝ CUỘC HỌP**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

## Mẫu số 10

### MẪU BẰNG CÔNG NHẬN XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

<p><b>(Quốc huy)</b></p> <p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b></p> <p><b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b></p> <p>-----</p> <p><b>CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN</b></p> <p><b>CÔNG NHẬN</b></p> <p><b>Xã ....., huyện/thị xã/thành phố....., tỉnh Bình Thuận</b></p> <p><b><i>Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm .....</i></b></p> <p><b>Quyết định số: ...../QĐ-UBND ..... ngày .... tháng .... năm ....</b></p> <p><b>ngày .... / .... / .....</b></p> <p style="text-align: right;"><b>CHỦ TỊCH</b></p>
--

#### ***Yêu cầu:***

##### **1. Kích thước:**

- Chiều dài: 640 mm, chiều rộng: 480 mm.
- Hoa văn bên trong: chiều dài 625 mm, chiều rộng 355 mm.

##### **2. Chất liệu và định lượng:** Giấy trắng, định lượng: 150g/m<sup>2</sup>.

**3. Hình thức:** Xung quanh trang trí hoa văn màu, chính giữa phía trên in Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1).

##### **4. Nội dung:**

- Dòng 1, 2: Quốc huy, Quốc hiệu (2)

*Khoảng trống*

- Dòng 3: Thẩm quyền công nhận (3)
- Dòng 4: Công nhận (4)
- Dòng 5: Tên xã, huyện/thị xã/thành phố, tỉnh (5)
- Dòng 6: Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm... (6)

*Khoảng trống*

- Dòng 7:
  - + Bên trái: Quyết định số, ngày, tháng, năm (7)
  - + Bên phải: Địa danh, ngày, tháng, năm (8)
- Dòng 8: Bên phải: Thẩm quyền ký (9) :

*Khoảng trống (3,5 cm): chữ ký, dấu*

- Dòng 9: Họ và tên người ký quyết định (10)

**Ghi chú:**

- (1): In hình Quốc huy.
- (2): Quốc hiệu:
  - + Dòng chữ: "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" (chữ in đậm, màu đen).
  - + Dòng chữ: "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" (chữ thường, đậm, màu đen),
- (3): Thẩm quyền quyết định: (chữ in, màu đỏ).
- (4): Chữ in, màu đen.
- (5): Chữ in, màu đỏ.
- (6), (7), (8): Chữ thường, màu đen.
- (9): Chữ in, màu đen.
- (10): Chữ thường, màu đen.
- Cỡ chữ trong nội dung, UBND tỉnh quy định, đảm bảo hình thức đẹp, trang trọng.